

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 25-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 02/2022/TB-DPT ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thành C: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số 83/20 N, Khu phố D, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 17/12/2021).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Quốc V, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Cao Ngọc D, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thành C trình bày:

Ngày 09/12/2019, anh C có cho anh Huỳnh Quốc V vay số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất 03%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Sau khi vay, anh V có trả được cho anh C 5.000.000 đồng tiền lãi trong tháng đầu tiên. Tuy nhiên, anh V đã lấy lại số tiền lãi này. Sau này, anh V có trả được nhiều lần tiền lãi, mỗi lần chỉ vài trăm nghìn đồng, anh C không nhớ rõ và cũng không nhớ tổng số tiền lãi đã trả là bao nhiêu.

Ngoài ra, anh V còn nợ vợ chồng anh (vợ anh C là chị Nguyễn Cao Ngọc D) số tiền 65.000.000 đồng liên quan đến quá trình mua linh kiện điện thoại, thuê xe, mượn tiền tiêu xài cá nhân,... khoản nợ này không có lãi suất.

Cộng hai khoản nợ nêu trên, anh V viết cho anh C giấy nợ ghi ngày 09/12/2019, tuy nhiên ngày viết giấy diễn ra sau ngày 09/12/2019 khoản 02 tuần. Nội dung giấy nợ thể hiện số tiền 265.000.000 đồng, lãi suất 0%, nhưng không thỏa thuận thời hạn trả.

Đến ngày 05/4/2021, anh V chốt nợ lại với anh C tổng cộng là 359.000.000 đồng, trong đó bao gồm số nợ 265.000.000 đồng và lãi suất anh V không trả suốt từ ngày 09/12/2019 đến ngày 05/4/2021. Anh V tiếp tục viết cho anh C Giấy mượn tiền và cam kết trả tiền ngày 05/4/2021. Giấy này là mẫu có sẵn của anh C, anh V điền thông tin cá nhân của anh V, còn số tiền là do anh C viết vào, sau đó hai bên cùng ký tên và ghi họ tên vào giấy này. Mặc dù, giấy thể hiện lãi suất vay là 01%/tháng và thời hạn vay 03 tháng, nhưng thực tế hai bên không hẹn ngày trả nợ gốc và thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền lãi. Từ khi chốt nợ cho đến nay, anh V không trả lãi và cũng không trả nợ gốc cho anh C.

Do đó, anh C khởi kiện yêu cầu anh V phải trả cho anh C số tiền 359.000.000 đồng và lãi suất 02%/tháng tính từ ngày 05/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Huỳnh Quốc V trình bày:

Anh V chỉ thừa nhận nợ của anh C số tiền 200.000.000 đồng, trong đó bao gồm 120.000.000 đồng tiền nợ vợ anh C từ việc mua trái cây, linh kiện điện thoại và 80.000.000 đồng tiền vay từ anh C. Số nợ này giữa hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không hẹn thời gian trả. Anh V chưa trả được nợ gốc cho anh C mà chỉ trả được các khoản tiền lãi xuất phát từ việc anh V làm tài xế lái xe thuê cho anh C trong nhiều lần không lấy tiền công. Tuy nhiên, anh V không nhớ cụ thể tổng số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, đồng thời không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này.

Do không trả được nợ nên anh C yêu cầu anh V viết giấy nợ. Anh V thừa nhận nội dung 02 giấy nợ ngày 09/12/2019 và ngày 05/4/2021 đúng như anh C trình bày. Anh V thừa nhận chữ ký trong 02 giấy nợ mà anh C cung cấp là của anh, nhưng mục đích anh ký để làm tin, sự thật anh V không vay mượn của anh C số tiền 359.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh C, anh V chỉ đồng ý trả cho anh C số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Theo Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Cao Ngọc D trình bày:

Vào năm 2018, vợ chồng anh chị có cho anh V vay mượn tiền và mua điện thoại, tổng cộng số tiền 145.000.000 đồng. Anh V đã trả được 80.000.000 đồng, còn nợ lại 65.000.000 đồng. Các bên thống nhất ghi biên nhận nợ tên chồng chị là anh C, biên nhận nợ ngày 09/12/2019. Ngoài ra, chị D không quan hệ giao dịch vay, mượn tiền nào khác với anh V. Anh C khởi kiện anh V tại Tòa án để yêu cầu trả số tiền vay, chị D không có ý kiến hay yêu cầu gì, tùy anh C quyết định.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất, buộc anh V có nghĩa vụ trả cho anh C số tiền 359.000.000 đồng và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 05/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh V giữ nguyên ý kiến trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù, các bên đều đề cập đến giao dịch mua bán, nhưng việc mua bán đã chấm dứt, số tiền từ giao dịch này đều được các bên thống nhất xác định là một khoản nợ và được nhập vào chung khoản tiền nợ vay. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về hợp đồng mua bán đã chấm dứt giữa các bên.

[2] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Cao Ngọc D đã có văn bản trình bày ý kiến đồng thời có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành C:

[3.1] Về khoản nợ gốc: Anh C yêu cầu anh V trả số tiền 359.000.000 đồng nhưng anh C trình bày số nợ gốc chỉ là 265.000.000 đồng, số còn lại là tiền lãi từ ngày 09/12/2019 đến ngày 05/4/2021. Anh V chỉ thừa nhận nợ gốc là 200.000.000 đồng nhưng lại thừa nhận sự tồn tại của 02 văn bản mà anh C giao nộp, đồng thời thừa nhận chữ ký trong 02 văn bản là do anh ký tên vào. Mặt khác, anh V lại không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số nợ gốc chỉ là 200.000.000 đồng. Dựa trên lời trình bày và tài liệu, chứng cứ mà hai bên giao nộp, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay mượn giữa anh V và anh C là

có thật và xác định khoản nợ gốc giữa hai bên là số tiền 265.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về thời hạn vay và thời gian chậm trả: Văn bản ngày 09/12/2019 không thể hiện thời hạn vay, đồng thời hai bên đều thống nhất không thỏa thuận thời gian trả nợ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, anh C có quyền đòi lại khoản tiền bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho anh V một thời gian hợp lý. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì “Thời gian hợp lý” do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo. Anh V không thực hiện việc trả lãi đầy đủ nên anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh C không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì về việc thông báo chấm dứt hợp đồng vay với anh V. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xác định ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, anh V còn có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả; không xác định thời gian chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả đối với hợp đồng vay giữa hai bên.

[3.3] Về lãi, lãi suất: Văn bản ngày 09/12/2019 thể hiện lãi suất 0%/tháng. Tuy nhiên, cả anh C và anh V đều thống nhất hai bên có thỏa thuận lãi suất 03%/tháng. Xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, 20%/năm tương đương 1,66%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lãi suất trên nợ gốc trong hạn là 1,66%/tháng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc được xác định từ ngày 09/12/2019 đến ngày 25/3/2022 là 02 năm 03 tháng 16 ngày, tương đương 27 tháng 16 ngày.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = 265.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 27 tháng 16 ngày = 121.119.133 đồng.

[3.4] Tổng số tiền nợ gốc và lãi anh V phải thực hiện: Hội đồng xét xử xác định số tiền anh V phải trả cho anh C là 265.000.000 đồng + 121.119.133 đồng = 386.119.133 đồng. Trong khi đó, số tiền anh C yêu cầu anh V được xác định như sau:

Nợ gốc 359.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng, thời gian tính lãi từ 05/4/2021 đến 25/3/2022 là 11 tháng 20 ngày.

359.000.000 đồng x 01%/tháng x 11 tháng 20 ngày = 41.883.333 đồng.

359.000.000 đồng + 41.883.333 đồng = 400.883.333 đồng.

Như vậy tổng số tiền anh C yêu cầu nhiều hơn số tiền Hội đồng xét xác định, do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh C.

[3.5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Anh V xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được anh C đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc anh V chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền. Do đó yêu cầu của anh C buộc anh V trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền lợi của chị Nguyễn Cao Ngọc D: Do cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày số tiền các bên tranh chấp bao gồm số tiền nợ mua bán giữa chị D và anh V, Hội đồng xét xử xác định chị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, chị D không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho chị, mọi việc do anh C quyết định, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh C được chấp nhận một phần nên anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của anh C được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm anh V phải nộp được xác định như sau:

$386.119.133 \text{ đồng} \times 5\% = 19.305.956 \text{ đồng}.$

Án phí dân sự sơ thẩm anh C phải nộp được xác định như sau:

$400.883.333 \text{ đồng} - 386.119.133 \text{ đồng} = 14.764.200 \text{ đồng}$

$14.764.200 \text{ đồng} \times 5\% = 738.210 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành C

Buộc anh Huỳnh Quốc V có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thành C số tiền 386.119.133 đồng (*Ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm mười chín nghìn, một trăm ba mươi ba đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Anh Huỳnh Quốc V phải nộp 19.305.956 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành C phải nộp 738.210 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 9.513.500 đồng theo biên lai thu số 0008030 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên anh C được hoàn lại số tiền chênh lệch là 8.775.290 đồng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm